SỞ Y TẾ AN GIANG
BỆNH VIỆN MẮT - TAI MŨI HỌNG - RĂNG HÀM MẶT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 06 /TB-BV

An Giang, ngày 01 tháng 03 năm 2024

THÔNG BÁO

Về việc lựa chọn Tổ chức, Đơn vị thẩm định giá tài sản phần vật tư thu hồi từ việc tháo dỡ các khối nhà hiện trạng thuộc Bệnh viện Mắt – Tai Mũi Họng – Răng Hàm Mặt (giai đoạn 1) phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

Căn cứ Quyết định số 899/QĐ-UBND ngày 20/06/2023 của ủy ban nhân dân tỉnh về việc thanh lý các khối nhà hiện trạng thuộc Bệnh viện Mắt – Tai Mũi Họng – Răng Hàm Mặt (giai đoạn 1), phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.

Bệnh viện Mắt- Tai Mũi Họng - Răng Hàm Mặt tỉnh An Giang kính mời Tổ chức, Đơn vị có đủ điều kiện, năng lực tham gia thực hiện thẩm định giá tài sản, như sau:

1. Tên, địa chỉ Đơn vị có nhu cầu thuê Tổ chức thẩm định giá:

- Tên Đơn vị: Bệnh viện Mắt- Tai Mũi Họng - Răng Hàm Mặt tỉnh An Giang;

- Địa chỉ: 12B Lê Lợi, Phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang;

- Điện thoại liên hệ: 02963.952285;

2. Thông tin về tài sản:

- Dự toán khối lượng vật tư thu hồi thu hồi từ việc tháo dỡ các khối nhà hiện trạng thuộc Bệnh viện Mắt – Tai Mũi Họng – Răng Hàm Mặt (giai đoạn 1) phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang, bao gồm:

STT	Tên hạng mục	Địa chỉ	Loại nhà	Năm bắt đầu sử dụng	DT xây dựng (m^2)	Số tầng	Diện tích sử dụng (m^2)
	Tổng cộng				**1.541,3**		**2.760,8**
1	Nhà làm việc (tiếp nhận từ Trường TH Y tế cũ)	Số 20 đường Nguyễn Du, P. Mỹ Bình, TPLX, An Giang	Nhà cấp III	1975	408,96	3	1.044,00
2	Khu hành chính (tiếp nhận từ TT Y tế dự phòng)	Số 12B đường Lê Lợi, P. Mỹ Bình, TPLX, An Giang	Nhà cấp III	1988	211,31	3	634
3	Phòng tiêm ngừa (tiếp nhận từ TT Y tế dự phòng)	Số 12B đường Lê Lợi, P. Mỹ Bình, TPLX, An Giang	Nhà cấp IV	1988	76,9	2	97,1

STT	Tên hạng mục	Địa chỉ	Loại nhà	Năm bắt đầu sử dụng	DT xây dựng (m^2)	Số tầng	Diện tích sử dụng (m^2)
4	Nhà bộ môn (tiếp nhận từ Trường TH Y tế cũ)	Số 20 đường Nguyễn Du, P. Mỹ Bình, TPLX, An Giang	Nhà cấp IV	1975	74	1	74
5	Nhà kho (tiếp nhận từ Hội chữ thập đỏ)	Số 25 đường Lê Lợi, P. Mỹ Bình, TPLX, An Giang	Nhà cấp IV	1975	196	1	196
6	Nhà làm việc 2 (tiếp nhận từ Hội chữ thập đỏ)	Số 25 đường Lê Lợi, P. Mỹ Bình, TPLX, An Giang	Nhà cấp IV	1975	71,21	2	142
7	Nhà kho (tiếp nhận từ Trường TH Y tế cũ)	Số 20 đường Nguyễn Du, P. Mỹ Bình, TPLX, An Giang	Nhà cấp IV	1975	52	1	52
8	Nhà thực tập dược (tiếp nhận từ Trường TH Y tế cũ)	Số 20 đường Nguyễn Du, P. Mỹ Bình, TPLX, An Giang	Nhà cấp IV	1975	57	1	57
9	Hội trường (tiếp nhận từ Trường TH Y tế cũ)	Số 20 đường Nguyễn Du, P. Mỹ Bình, TPLX, An Giang	Nhà cấp IV	1975	238	1	238
10	Nhà làm việc 1 (tiếp nhận Hội chữ thập đỏ)	Số 25 đường Lê Lợi, P. Mỹ Bình, TPLX, An Giang	Nhà cấp IV	1975	71,21	2	142
11	Nhà vệ sinh (tiếp nhận từ trường TH Y tế cũ)	Số 20 đường Nguyễn Du, P. Mỹ Bình, TPLX, An Giang	Nhà cấp IV	1975	45	1	45
12	Cổng + hàng rào xây tường gạch + khung thép (DxRxC = 198,4x0,2x2,4 mét) (Theo kiểm kê tài sản của đơn vị)	Số 20 đường Nguyễn Du, Số 25 đường Lê Lợi, Số 12B đường Lê Lợi, P. Mỹ Bình, TPLX, An Giang	Vật kiến trúc	1975	39,68	1	39,68

(Đính kèm Phụ lục Khối lượng chi tiết vật tư thu hồi)

• **Mục đích thẩm định giá:** Để làm cơ sở xác định giá khởi điểm thanh lý tài sản theo Điều 36 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP của Chính phủ và nộp ngân sách theo quy định.

3. Tiêu chí lựa chọn tổ chức thẩm định giá:

a) Năng lực, kinh nghiệm: Là tổ chức thẩm định giá được thành lập theo quy định của pháp luật, có đầy đủ bản sao chứng thực chứng chỉ thẩm định giá của tổ chức, cá nhân (Hồ sơ năng lực); có tối thiểu 02 hợp đồng đã thực hiện thẩm định giá tài sản tương tự (Hợp đồng tư vấn tương tự đã thực hiện).

b) Thù lao dịch vụ, chí phí tư vấn: Tổ chức, Đơn vị có bảng chào giá có chi phí thấp nhất được lựa chọn, thương thảo và ký Hợp đồng.

c) Hồ sơ pháp lý: Bản sao chứng thực đăng ký kinh doanh, Giấy chứng nhận đầu tư hoặc Quyết định thành lập doanh nghiệp.

d) Các tổ chức tham gia: Phải cung cấp đầy đủ 03 tiêu chí nêu trên mới được xem là hợp lệ. Tất cả hồ sơ phải đựng trong túi hồ sơ.

4. Thời gian, địa điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia thẩm định giá

a) Thời hạn nhận hồ sơ: kể từ ngày thông báo về việc lựa chọn tổ chức, đơn vị thẩm định giá tài sản đến hết 17 giờ 00 ngày 14/03/2024 *(nộp hồ sơ đăng ký trong giờ hành chính)*.

b) Địa điểm nộp hồ sơ: Bệnh viện Mắt - Tai Mũi Họng - Răng Hàm Mặt tỉnh An Giang.

- Địa chỉ: 12B Lê Lợi, Phường Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang;
- Điện thoại liên hệ: 0989.625.598 Ông Cao Văn Tuấn;

Bệnh viện Mắt- Tai Mũi Họng - Răng Hàm Mặt tỉnh An Giang Thông báo đến các Tổ chức, Đơn vị tư vấn có đủ điều kiện năng lực, kinh nghiệm tham gia thẩm định giá biết và nộp hồ sơ đúng thời gian./.

Nơi nhận:
- Trang thông tin điện tử Bệnh viện mắt (đăng thông báo);
- Trang thông tin điện tử tỉnh An Giang (đăng thông báo);
- Báo An Giang;
- Lưu: VT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH AN GIANG
BỆNH VIỆN MẮT TAI MŨI HỌNG RĂNG HÀM MẶT

Trần Thị Lài

BẢNG KHỐI LƯỢNG VẬT TƯ THU HỒI

Tên hạng mục	Thép tròn trong bê tông	Nhôm	Cửa,khung sắt, thép	Tôn	Thép hình	Gỗ	Lưới thép B40
Nhà làm việc (tiếp nhận từ Trường TH Y tế cũ)	22.260,10	138,10	843,96	707,40		6,77	
Khu hành chính (tiếp nhận từ TT Y tế dự phòng)	11.021,60	147,52		1.370,80	1.098,00		
Phòng tiêm ngừa (tiếp nhận từ TT Y tế dự phòng)	1.842,50		25,59	380,84	888,00	0,03	
Nhà bộ môn (tiếp nhận từ Trường TH Y tế cũ)	1.944,90	277,78	13,35	383,36		0,32	
Nhà kho (tiếp nhận từ Hội chữ thập đỏ)	913,20	0,86	60,78	715,00	1.024,00	0,04	
Nhà làm việc 2 (tiếp nhận từ Hội chữ thập đỏ)	2.888,10	59,52	59,70				
Nhà kho (tiếp nhận từ Trường TH Y tế cũ)	760,20	4,13	14,82	189,39	604,19	0,37	
Nhà thực tập dược (tiếp nhận từ Trường TH Y tế cũ)	888,40	4,13	19,61	70,93	651,37	0,40	
Hội trường (tiếp nhận từ Trường TH Y tế cũ)	3.079,60	23,16	7,27	2.493,26	7.413,00		
Nhà làm việc 1 (tiếp nhận Hội chữ thập đỏ)	4.850,60	30,05	27,84	72,82	128,74		
Nhà vệ sinh (tiếp nhận từ trường TH Y tế cũ)	23,25	4,32	135,80	189,67			
Cổng + hàng rào xây tường gạch + khung thép (DxRxC = 198,4x0,2x2,4 mét) (Theo kiểm kê tài sản của đơn vị)	4.132,58		493,47		259,00		129,00
Tổng khối lượng	54.605,03	689,57	1.702,19	6.573,47	12.066,30	7,93	129,00

ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

CÔNG TY TƯ VẤN ĐẦU TƯ
VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ (ICIC)

CÔNG TY TNHH TƯ VẤN ĐẦU TƯ VÀ XÂY DỰNG QUỐC TẾ

TRẦN LÊ CHƯƠNG

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
A	**NHÀ LÀM VIỆC (TIẾP NHẬN TỪ TRƯỜNG TH Y TẾ CŨ)**				
1	**Thép tròn trong bê tông (tạm tính thu được 100kg thép/m3 bê tông)**	**Kg**		**22.260,10**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	- Cầu thang:	**Kg**	**408,2**		
	Bản thang (trệt-> lầu): 8,14x1,5x0,12x100kg/m3	Kg	146,5		
	Chiếu nghỉ (trệt -> lầu): 1,5x1,6x0,12x2 kc x100kg/m3	Kg	57,6		
	Bản thang (lầu -> sân thượng): 8,14x1,5x0,12x100kg/m3	Kg	146,5		
	Chiếu nghỉ (lầu -> sân thượng): 1,5x1,6x0,12x2 kc x 100kg/m3	Kg	57,6		
	- Sê nô mái: 90,8x0,1x1,1x100kg/m3	**Kg**	**998,8**		
	- Lam bê tông:	**Kg**	**6**		
	Lam bê tông trệt: 2x0,1x0,1x100kg/m3	Kg	2		
	Lam bê tông lầu: 2x0,1x0,1x100kg/m3	Kg	2		
	Lam bê tông sân thượng: 2x0,1x0,1x100kg/m3	Kg	2		
	- Dầm:	**Kg**	**4.398,80**		
	Dầm mái: (8,2x0,2x0,2+ 4,6x0,2x0,2x2 kc + 86x0,2x0,2)x100kg/m3	Kg	413,6		
	Dầm sân thượng: (28,8x0,2x0,2x4 kc + 14,2x0,2x0,2x8 kc + 81,1x0,2x0,2)x100kg/m3	Kg	1.239,60		
	Dầm tầng lầu: (28,8x0,2x0,2x4 kc + 14,2x0,2x0,2x8 kc)x100kg/m3	Kg	915,2		
	Dầm tầng trệt (đà kiềng): (28,8x0,2x0,4x4 kc + 14,2x0,2x0,4x8 kc)x100kg/m3	Kg	1.830,40		
	- Cột:	**Kg**	**1.785,60**		
	Cột (trệt -> lầu): (0,2x0,3x3,6x16 kc + 0,2x0,2x3,6x16 kc)x100kg/m3	Kg	576		
	Cột (lầu -> sân thượng): (0,2x0,3x3,6x16 kc + 0,2x0,2x3,6x16 kc)x100kg/m3	Kg	576		
	Cột (sân thượng -> mái): (0,2x0,3x3x16 kc + 0,2x0,3x3,6x16 kc)x100kg/m3	Kg	633,6		
	- Sàn:	**Kg**	**8.827,30**		
	Mái: 8,2x4,6x0,1x100kg/m3	Kg	377,2		
	Sân thượng: 456,3x0,1x100kg/m3	Kg	4.563		
	Lầu: (28,8x14,2x0,1 – 4,5x4,5x0,1(trừ cầu thang))x100kg/m3	Kg	3.887,10		
	- Nền: (28,8x14,2x0,1+8,3x0,6x0,1 (tam cấp)) x100kg/m3	**Kg**	**4.139,40**		
	- Cổ cột: 0,2x0,3x0,5x32 kc x100kg/m3	**Kg**	**96**		
	- Móng: 1x1x0,5x32 kc x100kg/m3	**Kg**	**1.600**		
2	**Nhôm**	**Kg**		**138,1**	Hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa 1 (trệt): 1x2,2x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x15 kc x2700kg/m3	Kg	21,3		

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
	Cửa 2 (trệt): 1,4x2,2x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x3 kc x2700kg/m3	Kg	5,9		
	Cửa 3 (trệt): 1,4x3x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x1 kc x2700kg/m3	Kg	2,7		
	Cửa 1 (lầu): 1x2,2x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x15 kc x2700kg/m3	Kg	21,3		
	Cửa 2 (lầu): 0,7x1,9x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x6 kc x2700kg/m3	Kg	5,1		
	Cửa 1 (sân thượng): 1,4x2,2x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x1 kc x2700kg/m3	Kg	2		
	Cửa 2 (sân thượng): 0,85x2,1x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x6 kc x2700kg/m3	Kg	6,9		
	Cửa sổ 1 (trệt): 3,7x1,6x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x8 kc x2700kg/m3	Kg	30,6		
	Cửa sổ 2 (trệt): 2,4x1,3x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2 kc x2700kg/m3	Kg	4		
	Cửa sổ 1 (lầu): 3,7x1,6x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x10 kc x2700kg/m3	Kg	38,3		
3	**Cửa, khung sắt, thép**	**Kg**		**843,96**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa sắt kéo không lá (cửa 1 tầng trệt): 4,3x3x0,001x50%x7850kg/m3	Kg	50,63		
	Thép bảo vệ cửa sổ: (2,4x2+1,3x2)x0,01x0,005x7850kg/m3	Kg	2,9		
	Lan can thép: (81,1+5,1+3+22,28)*0,9*0,01x10%*7850kg/m3=	Kg	790,43		
4	**Gỗ**	**m3**		**6,766**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa sổ gỗ (tầng trệt): 2,8x1,6x0,015	m3	0,067		
	Cửa sổ gỗ (tầng lầu): 2,8x1,6x0,015	m3	0,067		
	Cửa sổ gỗ (sân thượng): 2,8x1,6x0,015	m3	0,067		
	Khung gỗ lá sách: 57,1x3x0,01	m3	1,71		
	Vì kèo gỗ 40x80:0,04x0,08x7,45x16 kc	m3	0,38		
	Xà gồ gỗ 40x80: 0,04x0,08x28,8x21 kc	m3	1,935		
	Giằng, đà 40x40 (ngang + dọc): 0,04x0,04x(28,8+14,2)x37 kc	m3	2,54		
5	**Tôn**	**Kg**		**707,4**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Mái: 28,8x7,45x0,00042x7850kg/m3	Kg	707,4		
B	**KHU HÀNH CHÍNH (TIẾP NHẬN TỪ TT Y TẾ DỰ PHÒNG)**				
1	**Thép tròn trong bê tông (tạm tính thu được 100kg thép/m3 bê tông)**	**kg**		**11.021,60**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	- Sàn	**m3**	**8.103,10**		

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
	Sàn trệt: quy đổi DxRxC= 276,629x1x0,1x100kg/m3	Kg	2.766,30		
	Sàn sân thượng: quy đổi DxRxC= 255,350x1x0,1 x100kg/m3	Kg	2.553,50		
	Sàn lầu: quy đổi DxRxC= 278,330x1x0,1 x100kg/m3	Kg	2.783,30		
	- Cột	Kg	**1.114,80**		
	Cột trệt: (DxRxC)=0,2x0,2x3,3 x 34 cột + 0,2x0,3x3,2 x 1 cột x100kg/m3	Kg	468		
	Cột lầu: (DxRxC)=0,2x0,2x3,3 x 27 cột + 0,2x0,3x3,2 x 1 cột x100kg/m3	Kg	375,6		
	Cột sân thượng: (DxRxC)=0,2x0,2x3 x 21 cột + 0,2x0,3x3,2 x 1 cột x100kg/m3	Kg	271,2		
	- Dầm 200x300	Kg	**1112,2**		
	Dầm trệt: DxRx(C-0,1m)= 152,487x0,2x0,2x hệ số 0,95 x100kg/m3	Kg	579,5		
	Dầm lầu: DxRx(C-0,1m)= 104,9x0,2x0,2x hệ số 0,95 x100kg/m3	Kg	398,6		
	Dầm sân thượng: DxRx(C-0,1m)= 35,3x0,2x0,2x hệ số 0,95 x100kg/m3	Kg	134,1		
	- Nền trệt (đà kiềng+nền+cổ cột+móng): DxRxC = 20,6x0,2x0,4x1 đà kiềng + 6,4x2,6x0,12x1 nền + 0,3x0,3x0,5x6 cổ cột + 1x1x0,5x6 móng x100kg/m3	Kg	**691,5**		
2	**Tôn**	**Kg**		**1.370,80**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Mái tôn:	Kg	558,3		
	DxRx hệ số 1,15 =([(4,952x3,5)+(9,892x1)+(3,3x3,4)+(9x3,7)]x1,15+(7,1x9,526)+(6,4x3))x0,00042x7850kg/m3				
	Vách tôn:	Kg	812,5		
	DxC=(86,15x3,3= 284,295m2 trừ cửa (4,3x2,2)x4 cái = 246,455 m2)x0,00042x7850kg/m3				
3	**Thép hình**	**Kg**		**1.098**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Vì kèo 40x80x2mm	Kg	216		
	(5x0,24x0,002x7 + 11x0,24x0,002x2) x 7850kg/m3				
	Xà gồ 40x80x2mm	Kg	719		
	(4,952x0,24x0,002x5 + 3,3x0,24x0,002x6 + 9x0,24x0,002x6 + 7,1x0,24x0,002x13) x 7850kg/m3				
	Kèo thép mái				
	(Xà gồ 20x40: 6,4x0,12x0,002x5				
	D27: 5,7x0,085x0,002x3				

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
	D42: 2,6x0,132x0,002x3 + 3x0,132x0,002x6 Giằng đầu cột D42: 6,4x0,132x0,002x2) x 7850kg/m3	kg	163		
4	**Nhôm**	**kg**		**147,52**	Hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa nhôm (2,3x2,4)x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x4 kc x2700kg/m3	kg	14,3		
	Cửa nhôm (5,6x8,8)x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x3 kc x2700kg/m3	kg	95,8		
	Cửa nhôm (0,9x2,2)x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x8 kc x2700kg/m3	kg	10,26		
	Cửa nhôm (0,7x1,9)x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x4 kc x2700kg/m3	kg	3,44		
	Cửa nhôm (2x1,5)x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x5 kc x2700kg/m3	kg	9,72		
	Cửa nhôm (1,2x1,5)x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x12 kc x2700kg/m3	kg	14		
C	**PHÒNG TIÊM NGỪA (TIẾP NHẬN TỪ TT Y TẾ DỰ PHÒNG)**				
1	**Thép tròn trong bê tông** **(tạm tính thu được 100kg thép/m3 bê tông)**	**Kg**		**1.842,50**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	- Nền sàn	**Kg**	**1.250,10**		
	Nền: 94,35x0,1x100kg/m3	Kg	943,5		
	Lầu: 30,66x0,1 x100kg/m3	Kg	306,6		
	- Cột	**Kg**	**346**		
	Cột trệt: DxRxC=0,2x0,2x2,9x18 cột x100kg/m3	Kg	208,8		
	Cột lầu: DxRxC=0,2x0,2x2,45x14 cột x100kg/m3	Kg	137,2		
	- Dầm 200x300	**Kg**	**246,4**		
	Dầm lầu: DxRx(C-0,1)=64,85x0,2x0,2x hệ số 0,95 x100kg/m3	Kg	246,4		
2	**Tôn**	**Kg**		**380,84**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Mái tôn: DxRx hệ số 1,15=((11,55x5,582 + 3,2x3,2)*1,15+8x3,699) x0,00042x7850kg/m3	Kg	380,84		
3	**Thép hình**	**Kg**		**888**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cột STK D168 dày 2mm: 2,9x0,528x0,002x3 cái x 7850kg/m3	Kg	72		
	Trục 1-5/ A-C/ tầng mái *Tạm tính vì kèo 40x80x2mm: 11,55x0,24x0,002x5 x 7850kg/m3 *Xà gồ 40x80x2mm: 11,55x0,24,x0,002x7 x 7850kg/m3	Kg	523		
	Trục 1-4/E-D/lầu *Tạm tính vì kèo 40x80x2mm: 3,699x0,24x0,002x4 x 7850kg/m3 *Xà gồ 40x80x2mm 8x0,24x0,002x5 x 7850kg/m3	Kg	207		

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
	Trục 5-6/ A-B/ lầu	Kg	86		
	*Tạm tính vì kèo 40x80x2mm				
	3,5x0,24x0,002x2 x 7850kg/m3				
	*Xà gồ 40x80x2mm				
	3,2x0,24x0,002x5 x 7850kg/m3				
4	**Cửa, khung sắt, thép**	**Kg**		**25,59**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa đi thép 1,4x2,7x0,001 x1 ck x0,1x7850kg/m3	Kg	2,96		
	Cửa 0,95x2,4x0,001 x2 ck x0,5x7850kg/m3	Kg	17,89		
	Khung thép cửa 1,4x2,7: (1,4x2+2,7x2)x0,005x0,01x7850kg/m3	Kg	3,21		
	Khung thép cửa 0,9x1,05: (0,9x2+1,05x2)x0,005x0,01x7850kg/m3	Kg	1,53		
5	**Gỗ**	**m3**		**0,0297**	Mục, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa đi gỗ: 0,75x1,9x0,015	m3	0,021		
	Khung gỗ: (0,9x2+1,05x2)x0,015x0,15	m3	0,0087		
D	**NHÀ BỘ MÔN (TIẾP NHẬN TỪ TRƯỜNG TH Y TẾ CŨ)**				
1	**Thép tròn trong bê tông (tạm tính thu được 100kg thép/m3 bê tông)**	**Kg**		**1.944,90**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Sê nô mái: DxRxC=5,5x0,1x1,6x100kg/m3	Kg	88		
	Dầm: DxRxC=8x0,2x0,3x3 ck + 5,5x0,2x0,3x2 ck + 2,7x0,2x0,3x2 ck x100kg/m3	Kg	242,4		
	Gờ chắn đỉnh mái: DxRxC=5,5x0,1x0,3x1 ck x100kg/m3	Kg	16,5		
	Đà kiềng: DxRxC=8x0,2x0,4x3 ck + 5,5x0,2x0,4x2 ck + 2,7x0,2x0,4x2 ck x100kg/m3	Kg	323,2		
	Cột (200x200): C=(5,4x2+4,5x2+4,2x2+3x3)x0,2x0,2 x100kg/m3	Kg	148,8		
	Nền trệt: 8x5,5x0,1+8x2,7x0,1+1x0,2x0,1 x100kg/m3	Kg	658		
	Cổ cột cao 0,5m: 0,2x0,2x0,5x9 ck x100kg/m3	Kg	18		
	Móng: 1x1x0,5x9 ck x100kg/m3	Kg	450		
2	**Tôn**	**Kg**		**383,36**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Mái tôn: (8,3x5,5+8x3,1+2,7x0,6x2+8x0,3)x0,00042x7850 kg/m3	Kg	250,86		
	Vách tôn: (13,4x3-2,5x2,25) x0,00042x7850kg/m3	Kg	114		
	Cửa tôn: 2,5x2,25x0,00042x7850kg/m3	Kg	18,5		
3	**Nhôm**	**Kg**		**277,78**	Hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa 2,4x1,7x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x1 kc x2700kg/m3	Kg	4,08		
	Cửa 1,4x1,7x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x3 kc x2700kg/m3	Kg	7,14		
	Cửa 1,4x2,7x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x1 kc x2700kg/m3	Kg	3,78		

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
4	**Gỗ**	**m3**		**0,322**	Mục, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Xà gồ 40x80: 0,04x0,08x5,5x11 kc + 0,04x0,08x8x5 kc	m3	0,322		
5	**Cửa, khung sắt, thép**	**kg**		**13,35**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Khung thép: (1,4x2+2,7x2)x0,01x0,005x7850kg/m3	Kg	3,21		
	Khung thép bảo vệ cửa sổ (11,22x2+1,7x2)x0,005x0,01x7850kg/m3	Kg	10,14		
E	**NHÀ KHO (TIẾP NHẬN TỪ HỘI CHỮ THẬP ĐỎ)**				
1	**Thép tròn trong bê tông (tạm tính thu được 100kg thép/m3 bê tông)**	**Kg**		**913,2**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Nền sàn: 24,7x1,x0,1 x100kg/m3	Kg	247		
	Cột (200x200): C=2,8x0,2x0,2x18 kc x100kg/m3	Kg	201,6		
	Dầm, đà giằng: 102,9x0,2x0,2 + 26,5x0,1x0,2 x100kg/m3	Kg	464,6		
2	**Thép hình**	**Kg**		**1024**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Xà gồ 40x80x2mm @800: 24,7x0,24x0,002x11 ck x7850kg/m3	Kg	1024		
3	**Tôn**	**Kg**		**715**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Mái tôn: 24,7x8,781 x0,00042x7850kg/m3	Kg	715		
4	**Cửa, khung sắt, thép**	**Kg**		**60,784**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa đi sắt kéo có lá, kích thước: (2000x2200)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 2x2,2 x0,001x50%x7850kg/m3	Kg	17,274		
	Cửa đi sắt kéo có lá, kích thước: (1500x2200)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 1,5x2,2x x0,001x50%x7850kg/m3 x 3 kc	Kg	38,85		
	Cửa đi khuôn bao thép L40x40; đố cửa thép hộp 30x60x1,4; khung bảo vê thép 13x26; pa nô thép dập hoa văn; kính trắng dày 5mm; ổ khóa tay nắm tròn, kích thước: (1200x2250)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): (1,2x2+2,25x2) x0,005x0,01x7850kg/m3	Kg	2,7		
	Khung bảo vệ thép cửa sổ khung gỗ: (1,2x2+1,3x2)x0,005x0,01x7850kg/m3	Kg	1,96		
5	**Gỗ**	**m3**		**0,04**	Mục, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa sổ khung gỗ: (1,2x2+1,3x2)x0,02x0,1x4 kc	m3	0,04		
6	**Nhôm**	**Kg**		**0,86**	Hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa đi khung nhôm: 0,7x1,9x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x1 kc x2700kg/m3	Kg	0,86		
F	**NHÀ LÀM VIỆC 2 (TIẾP NHẬN TỪ HỘI CHỮ THẬP ĐỎ)**				
1	**Thép tròn trong bê tông (tạm tính thu được 100kg thép/m3 bê tông)**	**Kg**		**2.888,10**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Sàn lầu: 117x0,1x100kg/m3	m3	2.108,10		

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
	Sàn mái: 93,805x0,1 x100kg/m3	m3	2.108,10		
	Cột trệt: 0,2x0,2x3,6x10 ck x100kg/m3	m3	345,6		
	Cột lầu: 0,2x0,2x3,6x14 ck x100kg/m3				
	Dầm lầu 1: 67,1x0,2x0,2x1 ck x100kg/m3	m3	434,4		
	Đà giằng mái: 41,5x0,2x0,2x1 ck x100kg/m3				
2	**Nhôm**	**Kg**		**59,52**	Hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa đi khung nhôm, khung bảo vệ thép, kính trắng dày 5mm, pano lamri nhôm, ổ khóa tay nắm tròn, kích thước: (2600x2500)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 2,6x2,5 x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x3 kc x2700kg/m3	Kg	12,63		
	Cửa đi khung nhôm, khung bảo vệ thép, kính trắng dày 5mm, pano lamri nhôm, ổ khóa tay nắm tròn, kích thước: (900x2500)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 0,9x2,5 x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x4 kc x2700kg/m3	Kg	5,83		
	Cửa đi khung nhôm, kính mờ dày 5mm, kích thước: (700x1900)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 0,7x1,9x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x8 kc x2700kg/m3	Kg	6,89		
	Cửa sổ khung nhôm lùa, khung bảo vệ thép, kính trắng dày 5mm, kích thước: (2000x1500)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): (2x2+1,5x2)x0,0024x0,1x3 kc x2700kg/m3	Kg	13,6		
	Cửa sổ khung nhôm lùa, khung bảo vệ thép, kính trắng dày 5mm, kích thước: (1400x1500)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): (1,4x2+1,5x2)x0,0024x0,1x4 ck x2700kg/m3	Kg	15		
	Cửa sổ khung nhôm lùa, khung bảo vệ thép, kính trắng dày 5mm, kích thước: (2800x1500)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): (2,8x2+1,5x2)x0,0024x0,1x1 ck x2700kg/m3	Kg	5,57		
3	**Cửa, khung sắt, thép**	**Kg**		**59,7**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Khung bảo vệ thép cửa 2,6x2,5: (2,6x2+2,5x2)x0,005x0,01x3 kc x7850kg/m3	Kg	12		
	Khung bảo vệ thép cửa 0,9x2,5: (0,9x2+2,5x2)x0,005x0,01x4 kc x7850kg/m3	Kg	10,67		
	Khung bảo vệ thép cửa 0,7x1,9: (0,7x2+1,9x2)x0,005x0,01x8 kc x7850kg/m3	Kg	16,32		
	Khung bảo vệ thép cửa sổ 2x1,5: (2x2+1,5x2)x0,005x0,01x3 kc x7850kg/m3	Kg	8,24		
	Khung bảo vệ thép cửa 1,4x1,5: (1,4x2+1,5x2)x0,005x0,01x4 kc x7850kg/m3	Kg	9,1		

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
	Khung bảo vệ thép cửa 2,8x1,5: (2,8x2+1,5x2)x0,005x0,01x1 kc x7850kg/m3	Kg	3,37		
G	**NHÀ KHO (TIẾP NHẬN TỪ TRƯỜNG TH Y TẾ CŨ)**				
1	**Thép tròn trong bê tông (tạm tính thu được 100kg thép/m3 bê tông)**	**Kg**		**760,2**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	- Sàn: 24,69x1x0,1x100kg/m3	Kg	269,3		
	- Thang BTCT= 2,8x0,8x0,1 x100kg/m3				
	- Cột trệt: 0,2x0,2x3x10 ck x100kg/m3	Kg	236		
	- Cột lầu: 0,2x0,2x2,9x10 ck x100kg/m3				
	- Dầm trệt: 35,3x0,2x0,2x hệ số 0,95 x100kg/m3	Kg	254,9		
	- Dầm lầu: 31,8x0,2x0,2x hệ số 0,95 x100kg/m3				
2	**Gỗ**	**m3**		**0,37**	Mục, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	- sàn lầu dầy 15mm: 24,69 m2 x 0,015	m3	0,37		
3	**Tôn**	**Kg**		**189,39**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Mái tôn: 13,5x3,7x hệ số 1,15x0,00042x7850kg/m3	Kg	57,443		
4	**Thép hình**	**Kg**		**604,19**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Vì kèo 40x80x2mm: 3,9x0,24x0,002x3 ck x7850kg/m3	Kg	44,08		
	Xà gồ 40x80x2mm: 13,5x0,24x0,002x5 ck x7850kg/m3	Kg	254,34		
	Đà thép hộp 30x60x2mm/@500: 3,9x0,18x0,002x14 ck x7850kg/m3	Kg	154,3		
	Đà thép hộp 30x60x2mm/@500: 6,7x0,18x0,002x8 ck x7850kg/m3	Kg	151,47		
5	**Nhôm**	**Kg**		**4,13**	Hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa đi khung nhôm, pano lamri nhôm + khung thép bảo vệ 20x20, kích thước: (1200x2200)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 1,2x2,2x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x1 kc x2700kg/m3	Kg	1,71		
	Cửa đi khung nhôm, pano lamri nhôm + khung thép bảo vệ 20x20, kích thước: (850x2200)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 0,85x2,2x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2 kc x2700kg/m3	Kg	2,42		
6	**Cửa, khung sắt, thép**	**Kg**		**14,82**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa sổ khung thép hộp + khung bảo vệ thép 20x20, kích thước: (2400x600)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): (2,4x2+0,6x2)x0,005x0,02x7850kg/m3	Kg	4,71		
	Khung thép bảo vệ (1,2x2,2): (1,2x2+2,2x2)x0,005x0,02x7850kg/m3	Kg	5,33		
	Khung thép bảo vệ (0,85x2,2): (0,85x2+2,2x2) x0,005x0,02x7850kg/m3	Kg	4,78		
H	**NHÀ THỰC TẬP DƯỢC (TIẾP NHẬN TỪ TRƯỜNG TH Y TẾ CŨ)**				

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
1	**Thép tròn trong bê tông (tạm tính thu được 100kg thép/m3 bê tông)**	**Kg**		**888,4**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	- Sàn lầu: 37x0,1x100kg/m3	Kg	392,4		
	- Sàn thang BTCT: 2,8x0,8x0,1 x100kg/m3				
	- Cột trệt: 0,2x0,2x3x10 ck x100kg/m3	Kg	236		
	- Cột lầu: 0,2x0,2x2,9x10 ck x100kg/m3				
	- Dầm trệt: 35,2x0,2x0,2x hệ số 0,95 x100kg/m3	Kg	260		
	- Dầm lầu: 34,2x0,2x0,2x hệ số 0,95 x100kg/m3				
2	**Gỗ**	**m3**		**0,403**	Mục, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Sàn lầu dầy 15 mm: 26,91 m2 x 0,015	m3	0,403		
3	**Tôn**	**Kg**		**70,93**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Mái tôn: 14,7x3,7x hệ số 1,15x0,00042x2700kg/m3	Kg	70,93		
4	**Thép hình**	**Kg**		**651,37**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Vì kèo 40x80x2mm: 3,9x0,24x0,002x3 ck x7850kg/m3	Kg	44,08		
	Xà gồ 40x80x2mm: 14,7x0,24x0,002x5 ck x7850kg/m3	Kg	276,94		
	Đà thép hộp 30x60x2mm/@500: 3,9x0,18x0,002x15 ck x7850kg/m3	Kg	165,32		
	Đà thép hộp 30x60x2mm/@500: 7,3x0,18x0,002x8 ck x7850kg/m3	Kg	165,03		
5	**Nhôm**	**Kg**		**4,13**	Hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa đi khung nhôm, pano lamri nhôm kích thước: (1200x2200)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 1,2x2,2 x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x1 kc x2700kg/m3	Kg	1,71		
	Cửa đi khung nhôm, pano lamri nhôm kích thước: (850x2200)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 0,85x2,2 x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2 kc x2700kg/m3	Kg	2,42		
6	**Cửa, khung sắt, thép**	**Kg**		**19,61**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Khung thép bảo vệ (1,2x2,2): (1,2x2+2,2x2)x0,005x0,02x7850kg/m3	Kg	5,33		
	Khung thép bảo vệ (0,85x2,2): (0,85x2+2,2x2) x0,005x0,02x7850kg/m3 x2 kc	Kg	9,57		
	Cửa sổ khung thép hộp + khung bảo vệ thép 20x20, kích thước: (2400x600)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): (2,4x2+0,6x2)x0,005x0,02x7850kg/m3	Kg	4,71		
I	**HỘI TRƯỜNG (TIẾP NHẬN TỪ TRƯỜNG TH Y TẾ CŨ)**				
1	**Thép tròn trong bê tông (tạm tính thu được 100kg thép/m3 bê tông)**	**Kg**		**3.079,60**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Nền, bậc tam cấp: 72,758x0,1x100kg/m3	Kg	727,6		
	Đà kiềng: 198x0,2x0,2 x100kg/m3	Kg	792		
	Cổ cột cao 0,5m: 0,2x0,2x0,5x30 ck x100kg/m3	Kg	60		

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
	Móng: 1x1x0,5x30 ck x100kg/m3	Kg	1500		
2	**Nhôm**	**Kg**		**23,16**	Hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa 0,9x2,5x5 ck x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính) x2700kg/m3	Kg	7,29		
	Cửa 1,2x2,5x2 ck x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2700kg/m3	Kg	3,88		
	Cửa 1,2x1,7x1 ck x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2700kg/m3	Kg	1,32		
	Cửa 1,7x1,7x3 ck x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2700kg/m3	Kg	5,61		
	Cửa 1,1x1,7x2 ck x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2700kg/m3	Kg	2,42		
	Cửa 2,4x1,7x1 ck x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2700kg/m3	Kg	2,64		
3	**Cửa, khung sắt, thép**	**Kg**		**7,27**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	- Khung thép bảo vệ cửa sổ:DxR=18,53x0,01x0,005x7850kg/m3	Kg	7,27		
4	**Tôn**	**Kg**		**2.493,26**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Mái tôn: 437,825 m2 x0,00042x7850kg/m3	Kg	1.443,50		
	Vách tôn: 107,1x3,3-35,03 x0,00042x7850kg/m3	Kg	1.049,76		
5	**Thép hình**	**Kg**		**7.413**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
J	**NHÀ LÀM VIỆC 1 (TIẾP NHẬN HỘI CHỮ THẬP ĐỎ)**				
1	**Thép tròn trong bê tông**	**Kg**		**4.850,60**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	(tạm tính thu được 100kg thép/m3 bê tông)				
	- Sàn tầng lầu: 142,4x0,1x100kg/m3	m3	3.208,80		
	- Sàn mái: 178,48x0,1 x100kg/m3				
	- Cột trệt: 0,2x0,2x3,6x18 kc x100kg/m3	m3	496,8		
	- Cột lầu: 0,2x0,2x3,3x18 kc x100kg/m3				
	- Dầm 200x300	m3	1.145		
	*Lầu 1: 50,7x0,2x0,2 x100kg/m3				
	*Dầm sê nô: 56,8x0,1x1,1 x100kg/m3				
	*Lam đứng tầng trệt: 4,6x0,1x3,6 x100kg/m3				
	*Lam đứng tầng lầu: 4,6x0,1x3,3 x100kg/m3				
2	**Tôn**	**Kg**		**72,82**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Mái tôn: 5,7x3,875x0,00042x7850kg/m3	Kg	72,82		
3	**Thép hình**	**Kg**		**128,74**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Xà gồ 40x80x2mm @800: 5,7x0,24x0,002x6 kc x7850kg/m3	Kg	128,74		
4	**Nhôm**	**Kg**		**30,05**	Hư hỏng sau

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
	Cửa đi khung nhôm; khung bảo vệ thép; kính trắng dày 5mm; pano lamri nhôm; ổ khóa tay nắm tròn, kích thước: (900x2200)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 0,9x2,2x4 kc x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2700kg/m3	Kg	5,13		khi tháo dỡ
	Cửa sổ khung nhôm lùa; khung bảo vệ thép; kính trắng dày 5mm, kích thước: (1400x1300)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 1,4x1,3x4 kc x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2700kg/m3	Kg	4,71		
	Cửa sổ khung nhôm lùa; khung bảo vệ thép; kính trắng dày 5mm, kích thước: (2400x1300)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): 2,4x1,3x10 kc x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2700kg/m3	Kg	20,21		
5	**Cửa, khung sắt, thép**	**Kg**		**27,84**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa đi khuôn bao thép L40x40; đố cửa thép hộp 30x60x1,4; khung bảo vệ thép 13x26; pano thép dập hoa văn; kính trắng dày 5mm; ổ khóa tay nắm tròn, kích thước: (2300x2250)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): (2,3x2+2,25x2)x0,3x0,6x0,0014x7850 kg/m3	Kg	18		
	Cửa đi khung thép L40x40; khung lưới B40, kích thước: (3400x2200)mm, (bao gồm các phụ kiện kèm theo): (3,4x2+2,2x2)x0,4x0,4x0,0014x0,5x7850kg/m3	Kg	9,84		
K	**NHÀ VỆ SINH (TIẾP NHẬN TỪ TRƯỜNG TH Y TẾ CŨ)**				
1	**Thép tròn trong bê tông (tạm tính thu được 100kg thép/m3 bê tông)**	**Kg**		**23**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	- Sê nô mái: 14x0,1x0,9x100	Kg	1,26		
	- Dầm mái: 52x0,2x0,2+15,4x0,1x0,1x100	Kg	2,234		
	- Đà kiềng: 52x0,2x0,4x100	Kg	4,16		
	- Cột trệt -> mái: 0,2x0,2x3,6x100x6 kc + 0,1x0,2x3,6x100x2 kc + 0,2x0,2x3,3x6 kc	Kg	1,8		
	- Nền trệt: 54,3x1x0,12x100	Kg	6,516		
	- Cổ cột cao 0,5: 0,2x0,2x0,5x14 kc	Kg	0,28		
	- Móng: 1x1x0,5x100x14 kc	Kg	7		
2	**Cửa, khung sắt, thép**	**Kg**		**135,8**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa đi 0,9x2: 0,9x2x 0,1x0,005x7850kg/m3	Kg	7,06		
	Cửa sổ 1x1,2x20 kc x 0,1 (trừ kính) x0,005x7850	Kg	94,2		
	Khung thép: (1x2+1,2x2)x0,01x0,005x7850x20	Kg	34,54		
3	**Nhôm**	**Kg**		**4,32**	Hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa 0,8x0,9 x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2700kg/m3	Kg	0,47		

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng		Hiện trạng
			một bộ phận	toàn bộ	
	Cửa 0,9x2,2x3 kc x0,0024x0,1(tỷ lệ nhôm thu được trong cửa nhôm kính)x2700kg/m3	Kg	3,85		
4	**Tôn**	**Kg**		**189,67**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Mái M1: 6,22x3,441x0,00042x7850kg/m3	Kg	70,56		
	Mái M2: 8x4,516x0,00042x7850kg/m3	Kg	119,11		
L	**CỔNG + HÀNG RÀO XÂY TƯỜNG GẠCH + KHUNG THÉP**				
1	**Thép tròn trong bê tông (tạm tính thu được 100kg thép/m3 bê tông phần hàng rào)**	**Kg**		**4.132,58**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
Trục A-B	Cột (cổng BV Mắt): 0,5x0,3x5,7x100x3 kc	Kg	256,5		
	Cột (khu nhận bệnh): 0,85x0,2x2,6x100x2 kc + 0,2x0,2x1,3x2x100 kc	Kg	88,4		
	Cột (hàng rào): 0,2x0,2x2x100x18 kc	Kg	144		
	Giằng tường (chân hàng rào): 19,275x0,2x0,2x100	Kg	77,1		
	Nền cổng BV Mắt: 6x0,5x0,2x100	Kg	60		
	Đà kiềng (Đà tường rào): 27,77x0,2x0,3x100	Kg	166,62		
	Móng: 0,4x0,4x0,5x100x23 kc	Kg	184		
Trục B-C	Tường cao 2,6m: 0,2x0,2x2,6x100x10 kc	Kg	104		
	Tường cao 1,6m: 0,2x0,2x1,4x100x8 kc	Kg	44,8		
	Giằng tường (khu tường cao 1,6m): 20,7x0,2x0,2x100	Kg	82,8		
	Đà kiềng (khu tường cao 2,6m): 29,9x0,2x0,3x100	Kg	179,4		
	Đà kiềng (khu tường cao 1,6m): 20,7x0,2x0,3x100	Kg	124,2		
	Móng: 0,4x0,4x0,5x100x18 kc	Kg	144		
Trục C-D	Cột (Tường cao 3m): 0,2x0,2x5,7x100x14 kc	Kg	319,2		
	Cột (Tường cao 2,6m): 0,2x0,2x2,6x100x2 kc	Kg	20,8		
	Giằng tường (tường cao 3m): 52,85x0,2x0,2x100	Kg	211,4		
	Đà kiềng (tường cao 3m): 52,85x0,2x0,3x100	Kg	317,1		
	Đà kiềng (tường cao 2,6m): 3,35x0,2x0,3x100	Kg	20,1		
	Móng: 0,4x0,4x0,5x100x16 kc	Kg	128		
Trục A-D	Cột (tường cao 1,9m): 0,2x0,2x1,9x100x16 kc	Kg	121,6		
	Giằng tường (tường cao 1,9m): 121,056x0,2x0,2x100	Kg	484,224		
	Đà kiềng (tường cao 1,9m): 121,056x0,2x0,3x100	Kg	726,336		
	Móng: 0,4x0,4x0,5x100x16 ck	Kg	128		
2	**Cửa, khung sắt, thép**	**Kg**		**493,47**	Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Cửa thép 1: 0,9x1,2x0,0012x7850 kg/m3	Kg	10,17		
	Cửa thép 2: 1,3x2x0,0012x7850 kg/m3	Kg	24,49		
	Cửa thép 3: 4x2x0,0012x7850 kg/m3	Kg	75,36		
	Cửa thép 4: 1,6x1,8x0,0012x7850 kg/m3	Kg	27,12		
	Cửa thép 5: 1,05x1,9x0,0012x7850 kg/m3	Kg	18,79		
	Cửa thép 6: 3,25x2,12x0,0012x7850 kg/m3	Kg	64,9		

STT	Danh mục công tác	Đơn vị	Khối lượng một bộ phận	Hiện trạng
	Cửa thép 7: 2,95x2,5x0,0012x7850 kg/m3	Kg	69,47	
	Cổng xếp tự động (Cổng BV): 6x2,2x0,0012x7850 kg/m3	Kg	124,34	
	Cổng xếp tự động CK1: 1,4x2,7x0,0012x7850 kg/m3	Kg	35,6	
	Cổng xếp tự động CK2: 1,7x2,7x0,0012x7850 kg/m3	Kg	43,23	
3	**Hàng rào lưới thép B40**	**Kg**		Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Khu tường cao 2,6m trục B-C: 29,9x2,1x2,2 – cột chiếm chỗ: 0,2x2,1x2,2x10	Kg	129	
4	**Thép hình**	**Kg**		Rỉ sét, hư hỏng sau khi tháo dỡ
	Khu tường cao 2,6m: 29,9x0,5x13,6	Kg	203	
	Khu tường cao 1,6m: 20,7x0,2x13,6	Kg	56	